

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi sông Cầu, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 1 (tháng 2/2018)

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cổng lấy nước Đá Gân (cổng 10 cửa)	Trời nhiều mây, t° = 13°C, độ ẩm 48%, gió BDB 14 km/h. Dòng chảy nhanh, cổng mở 6 cửa.	Nước màu vàng đục.	7.91	135.9	5.84	0.1	0.008	0.576	222	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	2	Cổng điều tiết Lữ Yên	Trời nhiều mây, t° = 13°C, độ ẩm 50%, gió BDB 14 km/h. Dòng chảy vừa, cổng mở 2 cánh. Có rác đọng ở thượng lưu 1 bên cổng.	Nước màu vàng đục.	7.96	18.8	5.95	0.1	0.008	0.565	228	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	3	Cổng điều tiết Lữ Vân	Trời nhiều mây, gió lạnh, t° = 13°C, độ ẩm 46%, gió Bắc 11 km/h. Dòng chảy chậm, cổng mở hé 2 cánh, mực nước cao.	Nước màu vàng đục.	7.93	21.4	6.9	0.1	0.008	0.711	235	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
4	4	Cổng điều tiết Vân Cầu	Trời nhiều mây, gió lạnh, t° = 13°C, độ ẩm 45%, gió Bắc 12 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở hé 2 cửa. Thượng lưu cống đọng nhiều rác thải.	Nước màu vàng đục.	7.95	58.1	7.81	0.1	0.008	0.986	239	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	5	Cổng điều tiết Bi Nội	Trời nhiều mây, gió lạnh, t° = 13°C, độ ẩm 47%, gió Bắc 11 km/h. Dòng chảy nhanh, cống mở 2 cánh.	Nước màu vàng đục.	8.01	59.9	7.92	0.1	0.008	0.920	239	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	6	Cổng điều tiết Mỏ Thổ	Trời nhiều mây, t° = 13°C, độ ẩm 45%, gió Bắc 11 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở hé 1 cánh. Thượng lưu cống đọng nhiều rác.	Nước màu xanh vàng.	7.95	24.2	7.4	0.1	0.008	0.947	243	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	7	Cổng điều tiết Điểm Tổng	Trời nhiều mây, t° = 12°C, độ ẩm 50%, gió Bắc 14 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trên kênh có nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.85	17.5	6.5	0.1	0.008	1.085	241	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
8	8	Cổng lấy nước đầu	Trời nhiều mây, t° = 13°C, độ ẩm 46%, gió	Nước màu	7.95	30.9	6.65	0.1	0.008	0.765	236	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi.

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
		kênh N2	Bắc 11 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở.	vàng đục.								Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	9	Cống điều tiết Lăng Trình	Trời nhiều mây, t° = 13°C, độ ẩm 47%, gió Bắc 10 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở.	Nước màu vàng đục.	7.92	24	6.53	0.1	0.016	0.666	230	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	10	Cống điều tiết Kè Thường	Trời nhiều mây, t° = 13°C, độ ẩm 48%, gió Bắc 14 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở 1 cửa. Thượng lưu cống nhiều rác.	Nước màu vàng đục.	8.01	35.8	7.2	0.1	0.023	1.094	244	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Cống điều tiết Kè Thẽ	Trời nhiều mây, t° = 13°C, độ ẩm 48%, gió Bắc 11 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở hé 2 cánh. Thượng lưu cống có nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.93	20.3	7.1	0.1	0.070	0.806	240	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	12	Cống điều tiết Kè Non	Trời nhiều mây, t° = 13°C, độ ẩm 55%, gió Bắc 13 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở	Nước màu xanh lục.	7.8	22.4	7.2	0.1	0.124	0.929	249	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			2 cánh.									động, thực vật thủy sinh.
13	13	Cuối kênh N5 tại chợ Mọc	Trời nhiều mây, t° = 12°C, độ ẩm 50%, gió Bắc 14 km/h. Dòng chảy chậm.	Nước màu xanh.	8.04	24.2	7.4	0.1	0.427	1.058	249	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	Cống điều tiết An Cập	Trời nhiều mây, t° = 13°C, độ ẩm 45%, gió Bắc 12 km/h. Dòng chảy nhanh, cống mở.	Nước màu xanh lục.	7.92	31.6	7.16	0.1	0.031	0.846	237	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	15	Cống Kè Tràng trên kênh N3	Trời nhiều mây, t° = 13°C, độ ẩm 48%, gió Bắc 14 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở. Trên kênh nhiều rác thải.	Nước màu vàng.	7.79	28.5	6.5	0.2	0.031	0.857	255	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.